

DUNG LƯỢNG TRÍ NHỚ SỐ CỦA HỌC SINH LỚP 6, 7 Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TỈNH KIÊN GIANG

DƯ THỐNG NHẤT*

TÓM TẮT

Bài viết này khảo sát dung lượng trí nhớ (DLTN) số của học sinh (HS) lớp 6, 7 ở một số trường trung học cơ sở (THCS) tỉnh Kiên Giang. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ ghi nhớ của HS về số là 5,43. Tác động củng cố có ảnh hưởng tích cực đến mức độ ghi nhớ số của HS. Có sự khác nhau về mức độ ghi nhớ số giữa các HS có học lực không như nhau.

Từ khóa: dung lượng trí nhớ, mức độ ghi nhớ số, trí nhớ học sinh trung học cơ sở, tỉnh Kiên Giang.

ABSTRACT

Numerical memory span of sixth and seventh graders at some junior high schools in Kien Giang province

The aim of this study was to investigate the numerical memory span of sixth and seventh graders in some junior high schools in Kien Giang province. The research employed qualitative and quantitative methods. Findings show that the numerical memory span of juniors is 5.43. The consolidating actions have positive influence on the numerical memory level of students. There are different levels of numerical memory between the students of various academic achievements.

Keywords: memory span, numerical memory level, memory of juniors, Kien Giang province.

1. Đặt vấn đề

Trí nhớ là một quá trình nhận thức quan trọng của con người, liên quan trực tiếp và mật thiết với kết quả học tập của HS. Theo Xêtrênôp, không có trí nhớ thì không có kinh nghiệm, không có bất cứ một hoạt động có ý nghĩa nào. Sự phát triển của trí nhớ như một trong những nhân tố trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động nhận thức và hoạt động của con người, “trí nhớ là một điều kiện quan trọng để quá trình nhận thức lí tính diễn ra và làm cho quá trình này đạt được kết quả hợp lí” [6]. Do đó, khi nghiên cứu trí

nhớ của con người nói chung, của HS THCS nói riêng cần chú ý đến DLTN thể hiện ở khả năng ghi nhớ, giữ gìn và tái hiện lại số lượng thông tin khi tiếp nhận chúng. “Chỉ số khối lượng ghi nhớ còn quan trọng ở chỗ nó là cơ sở để phát triển các quá trình tâm lí nhận thức phức tạp khác (như tư duy)” [2]. Việc nghiên cứu DLTN số và những biến đổi của DLTN số không chỉ giúp các nhà sư phạm phát hiện khả năng thu nhận thông tin về số học, nắm bắt những điều kiện tâm lí thuận lợi và cản trở quá trình ghi nhớ mà còn có cơ sở để phát triển tốt trí nhớ của

* NCS, Trường Đại học Sư phạm Quốc lập Đà Trung, Đà Loan; Email: duthongnhat@gmail.com

HS trong quá trình dạy Toán, góp phần nâng cao chất lượng dạy học trong việc thực hiện nhiệm vụ đổi mới phương pháp dạy học ở bậc THCS hiện nay.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Nhiệm vụ nghiên cứu

Bài viết thực hiện hai nhiệm vụ nghiên cứu sau:

2.1.1. Hệ thống hóa các khái niệm

- *Trí nhớ* là một quá trình tâm lí phản ánh những kinh nghiệm của cá nhân dưới hình thức biểu tượng, bao gồm sự ghi nhớ, gìn giữ và tái hiện sau đó ở trong óc cái mà con người đã cảm giác, tri giác, rung động, hành động hay suy nghĩ trước đây. [1]

- *Dung lượng trí nhớ* là phạm vi, mức độ hay đơn vị thông tin được ghi nhớ lại vào một thời điểm nào đó. [3]

- *Tác động củng cố* là cách cho tác nhân kích thích tác động lặp đi lặp lại nhiều lần lên chủ thể ghi nhớ để nâng cao hiệu quả ghi nhớ. [4]

2.1.2. Khảo sát thực trạng DLTN số của HS

Điều tra thực trạng số lượng và chất lượng về DLTN số, tác động của bài tập củng cố đến DLTN số của HS lớp 6 và lớp 7.

2.2. Thể thức và phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu, thể thức và phương pháp nghiên cứu được thực hiện như sau:

- **Bước 1. Chuẩn bị nghiên cứu**

+ Xây dựng bài tập trắc nghiệm nhớ số dùng cho HS lớp 6, 7 theo phương pháp soạn thảo bài tập trắc nghiệm nhớ số của A. P. Nhechaev. [5]

+ Nội dung bài tập trắc nghiệm: Gồm 10 số có hai chữ số, được chọn bất kì từ số 21 đến 94, không chọn các số như 20, 30, 22, 33 và những số tương tự.

+ Cách thực hiện: Cho HS làm bài tập trắc nghiệm vừa nghe vừa xem 10 số, mỗi số cách nhau 5 giây, rồi yêu cầu HS nhớ lại 10 số, không cần nhớ đúng theo trật tự các số đã cho, ngay sau khi đồng thời nghe và xem xong.

+ Cách cho điểm: Mỗi câu trả lời đúng, HS tham gia làm bài tập trắc nghiệm sẽ được một điểm.

+ Cách xếp loại: Mức độ ghi nhớ số của HS lớp 6, 7 được đánh giá theo cách truyền thống ở các mức độ sau: Từ 1 đến 2 số là loại kém, từ 3 đến 5 số là loại trung bình, từ 6 đến 8 số là loại khá, từ 9 đến 10 số là loại giỏi.

+ Tiêu chí đánh giá DLTN số: Gồm có 2 tiêu chí, một là số lượng số ghi nhớ được của HS và hai là phân tích về chất lượng nội dung ghi nhớ số. Đối với chất lượng ghi nhớ số ở HS, dựa vào phương pháp phân tích của A. P. Nhechaev thể hiện ở hai nội dung: Một là xác định xem các con số được ghi nhớ theo trình tự giảm dần hay tăng dần, và hai là xác định xem HS đã xây dựng những mối liên hệ như thế nào trong việc ghi nhớ các số rời rạc của bài tập trắc nghiệm. [5]

- **Bước 2. Tiến hành thử nghiệm và chỉnh sửa**

Bài tập trắc nghiệm nhớ số được thử nghiệm trên hai nhóm HS lớp 6 và lớp 7 để xác định các thông số kĩ thuật cần thiết làm cơ sở chỉnh sửa và hoàn thiện thang đo thực trạng DLTN số.

- **Bước 3. Thu thập số liệu**

+ Bài tập trắc nghiệm nhớ số được thực hiện theo nhóm từ 4 đến 6 HS để đảm bảo giải thích cặn kẽ đến khi HS hiểu mới cho làm trắc nghiệm.

+ Bài tập tác động củng cố được thực hiện khi HS làm trắc nghiệm không nhớ đủ 10 số ở lần nghe và xem thứ nhất, nghiệm viên đọc và cho xem lại 10 số để HS củng cố cho tới khi nhớ lại đầy đủ. Bài tập trắc nghiệm sẽ kết thúc, không phụ thuộc vào kết quả ghi nhớ có đủ 10 số hay không, sau khi nghiệm viên phát ra lần củng cố thứ 9 (lần tái hiện thứ 10).

- **Bước 4. Phân tích kết quả khảo sát**

Dữ liệu nghiên cứu được phân tích bằng phần mềm thống kê ứng dụng SPSS 19.0. Phép tính tỉ lệ phần trăm và điểm

trung bình cộng (ĐTB) được tiến hành phân tích cho các biến mức độ nhớ số, phân loại nhớ số và năng lực học tập. Hệ số tương quan Pearson được sử dụng để kiểm định mối liên hệ giữa mức độ nhớ số với điểm trắc nghiệm kiểu nhân cách của HS. Kiểm định t-test được thực hiện để so sánh trị trung bình mức độ nhớ số các biến lớp học và giới tính. Phương pháp phân tích phương sai (ANOVA) dùng để so sánh trị trung bình mức độ nhớ số của HS ở biến năng lực học tập.

2.3. Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu được chọn theo tiêu chí lớp học và giới tính, tiêu chí năng lực học tập được chọn ngẫu nhiên gồm 370 HS học tại bốn trường THCS thuộc tỉnh Kiên Giang. Mẫu và các tham số nghiên cứu được trình bày ở bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Mẫu và các tham số nghiên cứu

Biến số	Phân loại	Tần số (TS)	Tỉ lệ (%)	Biến số	Phân loại	TS	%
Lớp học	Lớp 6	188	50,8	Năng lực học tập	Yếu + Kém	75	20,3
	Lớp 7	182	49,2		Trung bình	164	44,3
Giới tính	Nam	192	51,9		Khá	93	25,1
	Nữ	178	48,1		Giỏi	38	10,3
Tổng				370			

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng mức độ nhớ số của học sinh

3.1.1. Đánh giá mức độ nhớ số (xem bảng 2)

- **Mức độ nhớ số**

Theo bảng 2, mức độ nhớ số của 370 HS mẫu khảo sát là từ 1 đến 10 số, với ĐTB =5,43, độ lệch chuẩn (ĐLC) =1,69. Trong đó, HS lớp 6 có ĐTB =5,28, ĐLC =1,67 và lớp 7 có ĐTB =5,59, ĐLC =1,70. Quan sát ĐTB của HS giữa hai lớp, ta thấy mức độ nhớ số của HS lớp 7 tăng cao hơn 0,31 số so với mức độ nhớ số của HS lớp 6.

Bảng 2. Mức độ nhớ số của HS toàn mẫu khảo sát

Biển lớp học	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	ĐTB	ĐLC
Lớp 6	1,0	10	5,28	1,67
Lớp 7	1,0	10	5,59	1,70
Tổng	1,0	10	5,43	1,69

- Phân loại học sinh theo mức độ nhớ số (xem bảng 3)

Bảng 3. Phân loại HS theo mức độ nhớ số

Phân loại nhớ số	TS	%	Thứ bậc
Kém	13	3,5	3
Trung bình	191	51,6	1
Khá	153	41,4	2
Giỏi	13	3,5	3
Tổng	370	100,0	

Bảng 3 cho thấy, có 3,5% (13 HS) nhớ số kém, 51,6% (191 HS) nhớ số trung bình, 41,4% (153 HS) nhớ số khá và 3,5% (13 HS) nhớ số giỏi. Như vậy, số HS có mức độ nhớ số trung bình xếp thứ bậc 1, mức độ nhớ số khá xếp thứ bậc 2, mức độ nhớ số giỏi và kém đều xếp thứ bậc 3. Điều này cho thấy khả năng xử lý và gìn giữ thông tin về biểu tượng số bằng thính giác và thị giác của HS mẫu nghiên cứu đạt ở mức độ trung bình và khá.

- *Chất lượng nội dung ghi nhớ số*

HS có mức độ ghi nhớ số rời rạc theo chiều hướng tăng dần về số lượng sau mỗi lần củng cố. HS lớp 7 có mức độ ghi nhớ theo chiều hướng tăng cao hơn HS lớp 6. Những số mà HS nhớ tốt là những số nằm ở đầu dãy và cuối dãy số, những số mà HS hay quên phần nhiều nằm ở giữa dãy số.

HS khá và giỏi đã biết cách sắp xếp các số rời rạc thành những số có trật tự để dễ ghi nhớ bằng cách gộp các số rời rạc thành cụm hai và cụm ba. Điển hình, HS gộp các số rời rạc thành cụm hai như: 68-32, 49-27; cụm ba như: 68-32-49, 91-26-75. Ngoài ra, HS cũng nhớ dãy số đã cho theo cách liên tưởng. Em Nguyễn Phú A. HS lớp 6/2 Trường THCS Hùng Vương cho biết: “Khi ghi nhớ, em liên tưởng số 68 là biển số xe Kiên Giang, 32 là số bạn trong lớp, 27 là số chậu lan em tưới nước hàng ngày, số 51, 49 là tuổi của ba và mẹ em, 83 là số nhà em, số 91 là năm sinh của anh em, 26 là ngày sinh nhật em, số 75, 74 là tuổi của ông và bà em”.

3.1.2. Kết quả nghiên cứu tác động ảnh hưởng của bài tập củng cố số (xem bảng 4)

- *Ảnh hưởng của tác động củng cố số theo tổng mẫu nghiên cứu và theo lớp*

Bảng 4. Kết quả nhớ số sau khi củng cố của HS theo tổng mẫu và theo lớp

Lần	Lớp 6			Lớp 7			t	Tổng mẫu		
	ĐTB	TS	ĐLC	ĐTB	TS	ĐLC		ĐTB	TS	ĐLC
1	6,96	181	1,91	7,56	174	1,93	0,003	7,25	355	1,94
2	7,95	165	1,70	8,40	140	1,53	0,016	8,15	305	1,64
3	8,35	124	1,42	8,75	96	1,22	0,031	8,53	220	1,35
4	8,53	91	1,49	9,05	64	0,95	0,015	8,74	155	1,31
5	9,01	67	1,06	9,38	40	0,90	0,076	9,15	107	1,01
6	9,28	36	0,85	9,33	15	0,82	0,830	9,29	51	0,83
7	9,31	16	0,79	9,29	7	0,76	0,941	9,30	23	0,77
8	9,25	8	0,46	9,75	4	0,50	0,116	9,42	12	0,52
9	9,67	6	0,52	10,0	1	0,46	0,576	9,71	7	0,49

Bảng 4 cho thấy, tác động củng cố có ảnh hưởng tích cực đến mức độ ghi nhớ số của HS mẫu nghiên cứu. Sau lần củng cố thứ nhất (lần tái hiện thứ hai) thì mức độ ghi nhớ số của HS tăng lên rõ rệt với ĐTB =7,25, ĐLC =1,94 cao hơn so với kết quả tái hiện đầu tiên với ĐTB =5,43, ĐLC =1,69. Đến lần củng cố thứ năm thì đa số HS mẫu nghiên cứu nhớ đủ 10 số của bài tập trắc nghiệm.

Mức độ ghi nhớ số của HS lớp 6 và lớp 7 cũng tăng lên theo số lần củng cố. Tuy nhiên, đa số HS lớp 6 nhớ đủ 10 số ở lần củng cố thứ sáu thì HS lớp 7 chỉ tới lần củng cố thứ năm đa phần đã nhớ đủ 10 số. Điều này chứng tỏ tác động củng cố có ảnh hưởng khác nhau tới mức độ

ghi nhớ số của HS hai khối lớp, HS lớp 6 mất nhiều lần củng cố mới nhớ đủ 10 số so với HS lớp 7.

Mức độ ghi nhớ số của HS lớp 6 đều thấp hơn so với HS lớp 7 ở phần lớn các thời điểm củng cố kể từ lần củng cố thứ nhất. Theo kết quả ở bảng 4, ta thấy mức độ ghi nhớ số của HS lớp 6 ở lần củng cố thứ nhất có ĐTB =6,69, ĐLC =1,91, ở lần củng cố thứ ba có ĐTB =8,35, ĐLC =1,42 và ở lần củng cố thứ sáu có ĐTB =9,28, ĐLC =0,85 đều có điểm trung bình thấp hơn so với HS lớp 7 ở cùng thời điểm củng cố thứ nhất với ĐTB =7,56, ĐLC =1,93, ở lần củng cố thứ ba có ĐTB =8,75, ĐLC =1,22 và ở lần củng cố thứ sáu có ĐTB =9,33, ĐLC =0,82.

- Ảnh hưởng của tác động củng cố số theo năng lực học tập (xem bảng 5)

Bảng 5. Kết quả nhớ số sau khi củng cố của HS theo năng lực học tập

Lớp	Lần	Yếu+Kém			Trung bình			Khá			Giỏi		
		TS	ĐTB	ĐLC	TS	ĐTB	ĐLC	TS	ĐTB	ĐLC	TS	ĐTB	ĐLC
6	1	42	6,81	1,71	77	6,53	1,94	45	7,40	1,97	17	8,06	1,56
	2	38	7,61	1,48	74	7,74	1,80	40	8,50	1,76	13	8,38	1,12
	3	34	8,32	1,14	58	8,21	1,62	21	8,38	1,32	11	9,18	1,07
	4	29	8,86	1,12	41	8,15	1,79	16	8,62	1,14	5	9,40	0,89
	5	19	9,00	1,20	33	8,94	1,11	13	9,23	0,83	2	9,00	0,00
	6	8	8,88	1,12	20	9,30	0,80	6	9,50	0,55	2	10,0	0,00
	7	5	9,20	0,84	9	9,22	0,83	2	10,0	0,00	-	-	-
	8	3	9,33	0,58	5	9,20	0,45	-	-	-	-	-	-
	9	2	9,00	0,00	4	10,0	0,00	-	-	-	-	-	-
7	1	31	7,03	2,15	81	7,74	1,74	42	7,50	2,08	20	7,80	1,93
	2	25	7,80	1,63	66	8,48	1,58	35	8,66	1,47	14	8,43	1,08
	3	21	8,38	1,24	44	8,64	1,36	20	9,15	0,93	11	9,18	0,75
	4	17	8,88	0,93	29	8,86	1,06	11	9,45	0,69	7	9,57	0,54
	5	13	9,23	0,83	20	9,30	1,03	5	9,80	0,45	2	10,0	0,00
	6	6	9,50	0,84	8	9,25	0,89	1	10,0	0,00	-	-	-
	7	2	9,50	0,71	4	9,25	0,96	-	-	-	-	-	-
	8	1	10,0	0,00	2	10,0	0,00	-	-	-	-	-	-
Tổng mẫu	1	73	6,90	1,90	158	7,15	1,93	87	7,45	2,01	37	7,92	1,75
	2	63	7,68	1,53	140	8,09	1,73	75	8,57	1,62	27	8,41	1,08
	3	55	8,35	1,17	102	8,39	1,52	41	8,76	1,20	22	9,18	0,90
	4	46	8,87	1,04	70	8,44	1,56	27	8,96	1,05	12	9,50	0,67
	5	32	9,09	1,05	53	9,08	1,08	18	9,39	0,79	4	9,50	0,58
	6	14	9,14	1,02	28	9,29	0,81	7	9,57	0,54	2	10,0	0,00
	7	7	9,29	0,76	13	9,23	0,83	2	10,0	0,00	-	-	-
	8	4	9,50	0,58	7	9,43	0,54	-	-	-	-	-	-
	9	2	9,00	0,00	4	10,0	0,00	-	-	-	-	-	-

Bảng 5 cho thấy mức độ ghi nhớ số của HS mẫu nghiên cứu tăng dần theo năng lực học tập từ yếu đến giỏi và theo số lần củng cố. Đến lần củng cố thứ ba và thứ tư thì đa số HS giỏi và khá của mẫu nghiên cứu nhớ đủ 10 số, đến lần củng cố thứ năm thì đa số HS trung bình và yếu của mẫu nghiên cứu mới nhớ đủ 10 số.

Mức độ ghi nhớ số của HS lớp 6 và lớp 7 đều tăng lên theo chiều hướng tích

cực xét theo năng lực học tập và theo số lần củng cố. Tuy nhiên, ở phần lớn các thời điểm củng cố, mức độ ghi nhớ của HS lớp 6 có điểm trung bình thấp hơn HS lớp 7 có cùng trình độ học lực: yếu, trung bình, khá và giỏi.

3.2. Kết quả khảo sát những yếu tố ảnh hưởng đến dung lượng trí nhớ số

3.2.1. Mối liên hệ giữa mức độ ghi nhớ số và điểm trắc nghiệm kiểu nhân cách (xem bảng 6)

Bảng 6. Kết quả tương quan giữa mức độ ghi nhớ số và điểm trắc nghiệm kiểu nhân cách của HS mẫu nghiên cứu

Biến số		Nhớ số
Kiểu nhân cách	Tương quan Pearson (r)	-0,052
	Mức ý nghĩa (p), (2 phía)	0,323
	Tổng (N)	370

Theo bảng 6, không có sự tương quan giữa mức độ ghi nhớ số và điểm trắc nghiệm kiểu nhân cách của HS mẫu nghiên cứu ($p > 0,05$). Điều này cho thấy mức độ ghi nhớ số của HS có kiểu nhân cách hướng nội, hướng ngoại và kiểu trung gian là tương đồng nhau.

3.2.2. Mối liên hệ giữa mức độ ghi nhớ số và khối lớp (xem bảng 7)

Bảng 7. Kết quả kiểm nghiệm t về mức độ ghi nhớ số theo lớp của HS

Biến lớp học	ĐTB	ĐLC	Kiểm nghiệm t (t)	Độ tự do (df)	Mức ý nghĩa (p)
Lớp 6	5,28	1,67	-1,77	368	0,077
Lớp 7	5,59	1,70			

Bảng 7 cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê về mức độ ghi nhớ số giữa HS lớp 6 và lớp 7 ($p > 0,05$). Tuy nhiên, quan sát ta thấy HS lớp 7 có mức độ ghi nhớ số trội hơn HS lớp 6, với ĐTB = 5,59, ĐLC = 1,70 so với ĐTB = 5,28, ĐLC = 1,67.

3.2.3. Mối liên hệ giữa mức độ ghi nhớ số và giới tính (xem bảng 8)

Bảng 8. Kết quả kiểm nghiệm t về mức độ ghi nhớ số theo giới tính

Biến giới tính	ĐTB	ĐLC	t	df	p
Nam	5,51	1,71	0,89	368	0,373
Nữ	5,35	1,68			

Bảng 8 cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê về mức độ ghi nhớ số giữa HS nam và HS nữ ($p > 0,05$). Tuy nhiên, kết quả cũng cho thấy, HS nam có mức độ ghi nhớ số nhiều hơn HS nữ, với ĐTB = 5,51, ĐLC = 1,71 so với ĐTB = 5,35, ĐLC = 1,68.

3.2.4. Mối liên hệ giữa mức độ ghi nhớ số và năng lực học tập (xem bảng 9)

Bảng 9. Kết quả kiểm nghiệm ANOVA về mức độ ghi nhớ số theo năng lực học tập

Năng lực học tập	ĐTB	ĐLC	Kiểm nghiệm F	df	p	Hậu kiểm
Yếu + Kém (YK)	4,89	1,81	6,409	3	0,000	G > TB, YK; K > YK;
Trung bình (TB)	5,32	1,63				
Khá (K)	5,78	1,76				
Giỏi (G)	6,11	1,11				

Bảng 9 cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa thống kê về mức độ ghi nhớ số giữa HS có năng lực học tập khác nhau ($p < 0,05$). Điều này có thể khẳng định có mối quan hệ mật thiết giữa mức độ ghi nhớ số và năng lực học tập của HS. Kết quả hậu kiểm (Tukey HSD) cho thấy, mức độ ghi nhớ số ở HS nhóm giỏi và nhóm khá tốt hơn HS ở nhóm yếu, HS ở nhóm giỏi nhớ số tốt hơn HS ở nhóm trung bình. Không có sự khác nhau về mức độ ghi nhớ số giữa HS nhóm giỏi và nhóm khá, giữa HS nhóm khá và nhóm trung bình, giữa HS nhóm trung bình và nhóm yếu. Có thể do HS nhóm giỏi và nhóm khá làm toán và tiếp xúc với các con số nhiều hơn so với HS nhóm trung bình và nhóm yếu nên đã biết cách sắp xếp các số rời rạc thành cụm hai và cụm ba để dễ ghi nhớ, làm cho mức độ ghi nhớ số trội hơn so với HS các nhóm còn lại.

4. Kết luận

Từ kết quả khảo sát thực trạng DLTN số của HS lớp 6 và lớp 7 ở một số trường THCS tại tỉnh Kiên Giang, có thể rút ra những kết luận như sau:

- Mức độ ghi nhớ có chủ định về số của HS là 5,43, nằm ở mức ngưỡng chuẩn 7 ± 2 của người trưởng thành.
- Tác động củng cố có ảnh hưởng tích cực đến mức độ ghi nhớ số của HS. Mức độ ghi nhớ số của HS tăng dần sau mỗi lần củng cố. Tuy nhiên, tác động củng cố có ảnh hưởng không giống nhau đến mức độ ghi nhớ số của HS có khối lớp và năng lực học tập khác nhau.
- Mức độ ghi nhớ số giữa các HS có năng lực học tập khác nhau là không giống nhau. HS giỏi có mức độ ghi nhớ số nhiều hơn HS trung bình và HS yếu; HS khá có mức độ ghi nhớ số nhiều hơn HS yếu.

Ghi chú: Bài viết dựa trên báo cáo và số liệu của Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học: “Dung lượng trí nhớ của học sinh lớp 6, 7 ở một số trường trung học cơ sở tỉnh Kiên Giang” (Dư Thống Nhất, 2007).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Minh Hạc (chủ biên), Phạm Hoàng Gia, Trần Trọng Thủy, Nguyễn Quang Uẩn (2000), *Tâm lý học*, Tái bản lần thứ 5, Nxb Giáo dục.
2. Nguyễn Thị Ánh Mai (1998), *Tìm hiểu trí nhớ học sinh tiểu học tỉnh Sóc Trăng dưới góc độ tâm lý thần kinh*, Luận văn Thạc sĩ tâm lý học, Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội.
3. Trần Thị Thu Mai (2004), *Dung lượng trí nhớ làm việc và khả năng đọc hiểu của học sinh tiểu học Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Viện Tâm lý học, Hà Nội.
4. Dư Thống Nhất (2007), *Dung lượng trí nhớ của học sinh lớp 6, 7 ở một số trường trung học cơ sở tỉnh Kiên Giang*, Luận văn Thạc sĩ tâm lý học, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trần Trọng Thủy (chủ biên) (1990), *Bài tập thực hành tâm lý*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Trần Hữu Luyến, Trần Quốc Thành (2004), *Tâm lý học đại cương*, In lần thứ XII, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 25-7-2014; ngày phản biện đánh giá: 10-8-2014; ngày chấp nhận đăng: 16-3-2015)